

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Vision

■ CLASSIC

Giới thiệu

Từ khi được giới thiệu vào năm 1995 tại hội nghị IDS ở Cologne - Đức, Sứ Vision Classic đã cho thấy được đây là một loại sứ dễ sử dụng với sự chính xác ổn định về màu sắc. Là một loại sứ đã qua kiểm chứng lâm sàng, hiện nay Vision Classic đã được sử dụng ở trên 40 quốc gia. Vision Classic là một loại sứ có cấu trúc hạt mịn đặc biệt có thể sử dụng cho tất cả hợp kim trong khoảng hệ số nở nhiệt CTE 13,8–15,2 (25–600°C). Vision Classic còn có khả năng dẫn sáng và phản xạ ánh sáng tự nhiên. Nhờ vào việc thêm vào các hiệu ứng Opal và huỳnh quang, bột sứ đạt được kết quả rất chuyên biệt và thẩm mỹ

Tương hợp với các hợp kim có hệ số CTE 13,8–15,2 $\mu\text{m}/\text{mK}$ (25–600°C)

- Hợp kim quý
 - Bán quý
 - Không quý
 - Không bị ánh xanh khi kết hợp với hợp kim chứa bạc
- Quy trình sản xuất độc đáo của Wohlwend đã tạo ra kích thước hạt sứ lý tưởng với chất màu hỗ trợ. Ưu điểm của quy trình sản xuất độc đáo này giúp tái tạo màu sắc chính xác rất ổn định các màu Vita A1–D4

- Dễ sử dụng.
- Không bị sụp xuống khi đắp
- Ít co ngót khi nung

Việc tái tạo màu sắc sống động và có huỳnh quang tự nhiên làm cho sứ Vision tương ứng với răng tự nhiên. Việc tái tạo như tự nhiên này có thể đạt được bằng kỹ thuật đắp sứ cơ bản (2 lớp sứ) hoặc bằng kỹ thuật đắp sứ nâng cao (sử dụng nhiều loại bột sứ phụ trợ).



Các thông số của hợp kim

- Tương hợp với hợp kim có hệ số giãn nở CTE 13,8–15,2 (25–600°C).
- Lý tưởng là ở 14,5 (25–600°C).
- Nếu CTE cao hơn 14,7 (25–600°C): Dùng chương trình làm nguội từ từ (slow cooling).
- Nếu dưới 14,2 (25–600°C), Lấy phục hình từ đế nướng ngay khi lò đã mở hoàn toàn!
Các thông số này có thể khác nhau giữa các hợp kim khác nhau!
- Trong trường hợp không chắc chắn về độ giãn nở nhiệt của hợp kim, chúng tôi khuyên dùng Vision Bonding.

Các đặc tính vật liệu

Chúng tôi khẳng định rằng tất cả bột sứ thể hiện trên bảng này đã được thử nghiệm và kiểm chứng với tiêu chuẩn EN ISO 9693:2000 và 6872:1998



















Tên sản phẩm	Vision Classic sứ cho kim loại type 1				
Loại bột	Độ bền uốn MPa		Độ hòa tan $\mu\text{g}/\text{cm}^3$	Độ nở nhiệt 25–500°C	Nhiệt độ chuyển đổi tinh thể TG°C ± 10
Powder opaque	Op	> 100 MPa	50 $\mu\text{g}/\text{cm}^3$	13,8	600°C
Paste opaque	PO	> 100 MPa	50 $\mu\text{g}/\text{cm}^3$	13,8	630°C
Dentin + Incisal	D+S	> 80 MPa	25 $\mu\text{g}/\text{cm}^3$	13,3	590°C
Opak Dentin Opaque Dentin	OD	> 80 MPa	25 $\mu\text{g}/\text{cm}^3$	13,3	590°C
Int. Opaquer Intensive Opaque	IO	> 100 MPa	50 $\mu\text{g}/\text{cm}^3$	13,8	600°C
Transpa Transparent	T	> 75 MPa	25 $\mu\text{g}/\text{cm}^3$	13,3	590°C
Schultermasse Shoulder	SP	> 80 MPa	25 $\mu\text{g}/\text{cm}^3$	13,8	590°C
Effekt Schneiden Effect Incisal	EF	> 80 MPa	25 $\mu\text{g}/\text{cm}^3$	13,3	590°C
Int. Dentin Intensive dentin	ID	> 80 MPa	25 $\mu\text{g}/\text{cm}^3$	13,3	590°C
Gingiva	ZF	> 80 MPa	25 $\mu\text{g}/\text{cm}^3$	13,3	590°C

Bảng phối màu & chương trình nung sứ

Màu	A1	A2	A3	A3.5	A4	B1	B2	B3	B4	C1	C2	C3	C4	D2	D3	D4
Opaker Opaque	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O
Opakdentin Opacious Body	OD	OD	OD	OD	OD	OD	OD	OD	OD	OD	OD	OD	OD	OD	OD	OD
Dentin Body	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D
Schneide Incisal	I58	I58	I59	I59	I60	I57	I59	I59	I59	I60	I59	I59	I60	I60	I59	I59
Transpamassen Transpa materials	TR: SCL – CL – NT – OP – RT – BL – GR															

Màu bổ sung	A1	A2	A3	A3.5	A4	B1	B2	B3	B4	C1	C2	C3	C4	D2	D3	D4
Sứ bờ vai	SP neutral + BA					SP neutral + BB				SP neutral + BC				SP neutral + BD		
Sứ hiệu ứng bờ vai	ivory, straw, yellow-gold, brown, yellow-grey, brown-grey															
Tăng màu cho opaque	O BA					O BB				O BC				O BD		
	10%	20%	30%	35%	40%	10%	20%	30%	40%	10%	20%	30%	40%	20%	30%	40%
Bổ sung màu opaque	IO White GB Orange Orche Brown Violet															
Tăng sắc độ màu cho Body Dentin	D BA					D BB				D BC				D BD		
	10%	20%	30%	35%	40%	10%	20%	30%	40%	10%	20%	30%	40%	20%	30%	40%
Màu Dentin chuyên biệt cho đặc điểm riêng	ID Honey - Yellow EB Straw HG Brown MG Blue NEO Ivory - Grey															
Màu men chuyên biệt cho trường hợp đặc biệt	IS 7 8 9 10															
Nhóm màu hiệu ứng cho mamelon	ivory, straw, honey yellow, khaki															

Màu stain

																	
01 White	02 Green	03 Black	04 Blue	05 Yellow	06 Orange	07 Orche	08 Tan	09 Red Orange	10 Yellow Tint	11 Green Brown	12 Green Yellow	13 Peach	14 Pink	15 Brown	Glaze	Grey	Violet

Quy trình xử lý kim loại trước khi đắp sứ

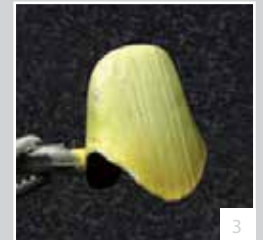
1. Xử lý kim loại theo hướng dẫn của nhà sản xuất, tránh các bờ bén nhọn.

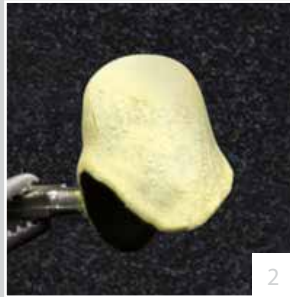
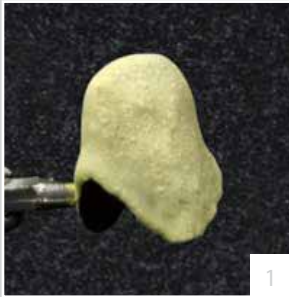
Trừ khi có chỉ định khác, kim loại nên được thổi cát với cát nhôm có kích thước tối thiểu 110 µm với áp lực 29 psi.

Thông thường, bề mặt sườn kim loại có một lớp ôxít đồng đều. Trường hợp sườn làm bằng kim loại thường (không quý), cần thổi cát trước khi đắp sứ với cát nhôm có kích thước tối thiểu 110 µm (xem hướng dẫn của nhà sản xuất). Sau khi xử lý, bề mặt sườn phải sạch và hơi nhám.

2. Quét Vision bonding với một lớp mỏng đồng đều. Quy trình nung sứ theo hướng dẫn sử dụng cho bonder.

3. Kết quả sau khi nung cũng thay thế cho phần nung lớp nền wash.





Bước 1: **Lớp opaque lần 1**

Hình 1: Opaque bột / Nước:

Trộn opaque bột với nước thành hỗn hợp dẻo. Đắp bằng cọ hoặc dụng cụ thủy tinh với độ che sần 70%

Nhiệt độ nung 970°C/ 1778°F.

Hình 2: Sau khi nung lần đầu.



Vis Opaque – Paste

Quét bằng cọ hoặc dụng cụ thủy tinh. Nung ở nhiệt độ 970°C/ 1778°F.

Có thể giảm xuống ở nhiệt độ khử của hợp kim. Tăng thời gian giữ ở nhiệt độ cao nhất thêm 2 - 3 phút. Đậy chặt nắp ống opaque sau khi dùng để tránh vật liệu bị khô.

Sứ có độ sáng bóng sau khi nung.

Bước 2: Opaque lần 2

Hình 1: Quét opaque với một lớp che phủ hoàn toàn

Hình 2: Hình ảnh sứ giống vỏ sò sau khi nung.

Nhiệt độ nung: 950°C /1724°F

Tùy chọn

Để đạt được các hiệu ứng từ bên trong, có thể tạo các hiệu ứng này bằng cách dùng opaque modifier "IO".

Ví dụ:

Dùng một ít IO-Orange ở vùng rãnh mặt nhai hoặc IO-Brown ở vùng cổ răng. Để đạt được sắc độ nhiều hơn từ bên trong đắp thêm một số màu Opaque Chroma vùng viền nướu hoặc dùng trộn thêm theo bảng màu.



Bước 3: Sứ bờ vai

- Các bột sứ bờ vai có các màu cơ bản A, B, C, D và Neutral giúp bạn có thể tạo ra nhiều màu mong muốn bằng cách trộn các màu sứ bờ vai khác nhau theo mọi tinh hướng màu. Vui lòng làm theo tỷ lệ trộn ở bảng bên dưới.
- Với các tùy chọn bạn có thể có bảng màu rộng hơn bằng cách dùng nhóm màu bờ vai hiệu ứng
- Nhiệt độ nung: 940°C /1724°F

Kết hợp sứ bờ vai Vision Classic cơ bản:

Hệ số tỷ lệ					
Màu cơ bản	2 Phần	1 Phần	3 Phần	4 - 5 Phần	5 Phần
Neutral	3 Phần	1 Phần	2 Phần	2 Phần	1 Phần
Màu					
A	A1	A2	A3	A3.5	A4
B	B1	B2	B3		B4
C	C1	C2	C3		C4
D		D2	D3		D4
Có thể thay đổi bằng cách sử dụng cách phối màu riêng					

Bước 4: Đắp sứ

Hình 1: Trong trường hợp không đủ khoảng, đắp một lớp mỏng opacious dentin (mặt nhai, cổ răng, v..v..)

Hình 2: Đắp với dentin (màu được yêu cầu) thành đầy đủ hình dáng răng.

Hình 3: Tỉa sứ vùng cạnh cắn và mặt bên. Đắp đường viền và thùy răng với một lớp mỏng transpa neutral.

Hình 4: Dùng sứ cạnh cắn tương ứng để hoàn tất hình dạng giải phẫu của răng.

Lưu ý:

- Đắp to hơn kích thước thật 1 chút vì sứ còn có độ co ngót khi nung.
- Dùng bột opacious dentin để đắp bù vào vùng tiếp xúc giữa các kẽ răng.
- Tiến hành nung dentin lần 1.
- Nhiệt độ nung: 925°C /1697°F





Bước 5: Chỉnh sửa

Hình 1: Sau lần nung dentin đầu tiên.

Hình 2: Nếu cần, chỉnh sửa hình dáng răng với Transpa Super Clear

Hình 3: Tiến hành nung Dentin lần 2

Nhiệt độ nung: 915°C / 1679°F

Bước 6: Hoàn tất

Hình 4: Sau khi hoàn tất điểm tiếp xúc và mặt nhai, bạn có thể làm bóng sứ theo hai cách:

- Nung bóng mà không dùng bột bóng hoặc là đánh bóng cơ học (với bánh xe cao su chuyên biệt, chổi, bột đánh bóng, v.v..) Chỉ nên sử dụng cách đánh bóng cơ học khi được bác sỹ chấp nhận.
- Nung bóng với bột bóng. Trộn bột với nước làm bóng và quét một lớp mỏng. Ở bước này, có thể dùng các màu stain Vision Classic để stain màu theo ý muốn.
- Nhiệt độ nung: 910°C / 1670°F

Kỹ thuật đắp nhiều lớp

Việc sử dụng hệ thống màu bổ sung được điều chỉnh kết hợp với kỹ thuật đắp sứ đơn giản cho kết quả các phục hình trông tự nhiên. Các màu này có thể dùng riêng hoặc trộn vào các vật liệu khác.

Ví dụ: màu cổ: Orange, màu Body giữa A3 và A3,5, cạnh cắn A2.

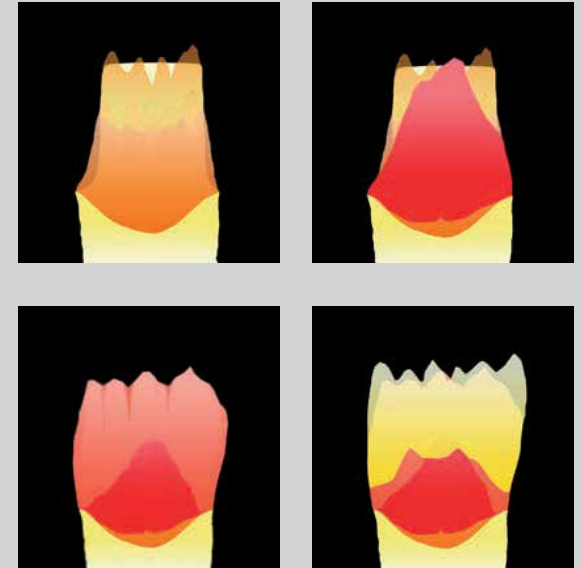
Để tăng sắc độ, trộn 30% ID BA với 70% Dentin A3.

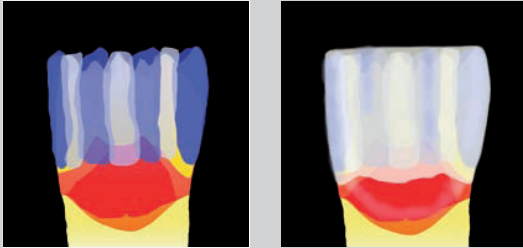
Vùng cổ, dùng Intensive body ID OR, một phần ba trên dùng opacious body OD A3.

Đắp với Dentin A3. Giảm bớt Dentin một chút so với đắp thông thường.

Màu men S58 và TR Opal được đắp thay đổi để đạt được đúng màu sắc đồng thời cũng có được độ opal tự nhiên.

TR Opal có thể được trộn với tất cả men transpa, tùy thuộc vào mức độ trong mong muốn cần chỉnh sửa.





Kỹ thuật đắp nhiều lớp

- Trộn màu có độ huỳnh quang cao ID Neon với màu men intensive IS 7, để đạt được độ sáng cao hơn và đắp một lớp mỏng .
- Với Mamelon cho hiệu ứng tạo khối, chúng ta sẽ dùng rất cẩn thận và đắp lớp mỏng. Hiệu ứng tạo khối (EF): Ivory, Straw, Honeyel- low, Khaki.
- Màu Neon có thể được trộn với màu stain thích hợp và đắp lên trên bề mặt ướt.
(Màu sắc trước và sau khi nung khá chuẩn xác!)

Video hướng dẫn đắp sứ Vision Classic:



Biểu đồ nướng sứ Classic

Chương trình nướng sứ đề nghị :

Nhiệt độ có thể thay đổi tùy vào thông số thực tế mỗi lò khác nhau.

	Nhiệt độ ban đầu	Thời gian làm khô	Tỷ lệ tăng nhiệt Heat rate	Nhiệt độ sau cùng	TG giữ Hold	Vacuum	Cooling time
Khử	Tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất hợp kim						
Vision - Bonding	550°C 1022°F	Dry 2 phút. Close 4 phút.	80°C/phút. 176 °F/phút.	980°C 1796°F	1 phút.	Có	1 phút.
Opaque lần 1*	600°C 1112°F	Dry 3 phút. Close 5 phút.	80°C/phút. 176 °F/phút.	970°C 1778°F	1 phút.	Có	1 phút.
Opaque lần 2*	600°C 1112°F	Dry 3 phút. Close 5 phút.	80°C/phút. 176 °F/phút.	950°C 1742°F	1 phút.	Có	1 phút.
Bờ vai 1/2	450°C 842°F	3 phút	45°C/phút. 113 °F/phút.	940°C 1724°F	1 phút.	Có	1 phút.
Dentin 1	450°C 842°F	Dry 3 phút. Close 5 phút.	45°C/phút. 113 °F/phút.	920 - 925°C 1688°F - 1697°F	1 phút.	Có	1 phút.
Dentin 2	450°C 842°F	Dry 3 phút. Close 3 phút.	45°C/phút. 113 °F/phút.	915°C 1679°F	1 phút	Có	1 phút.
Nướng bóng với bột bóng	600°C 1112°F	Dry 1 phút. Close 2 phút.	60°C/phút. 140 °F/phút .	910°C 1670°F	1 phút.	–	1 phút.

Tuân theo hướng dẫn sử dụng nhà sản xuất hợp kim. Hệ thống lò nướng chiều ngang (Programat®) cần giảm nhiệt độ ban đầu xuống 400°C/752°F. Trong trường hợp không chắc chắn về độ giãn nở nhiệt của hợp kim, chúng tôi khuyên dùng Vision Bonding.

Phụ Kiện

- khay sứ cá sấu
- Cọ đắp sứ
- khay trộn sứ
- Bút cách ly sứ
- Chất cố định khi nung sứ
- Chất tạo liên kết với sườn_ Vision Bonding





CÔNG TY TNHH NHA KHOA THÁI BÌNH DƯƠNG

Văn phòng tại TP. HCM

Địa chỉ: 22 - 24 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 39112 170 - Fax: (028) 39112 171

Văn phòng tại TP. Hà Nội

Địa chỉ: Số 14 Lô M1 - Khu ĐTM Yên Hòa, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3773 3138 - Fax: (024) 6282 2441



WOHLWEND AG

Wohlwend AG Dental Manufaktur

Platta 52

FL-9488 Schellenberg

Phone: +423-373-4243

Fax: +423-373-4244

www.wohlwend-ag.com

info@wohlwend-ag.com

